

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH QUYỂN 9

PHẦN THỨ 9, (Đoạn 2): HUỆ HỌC TĂNG THƯỢNG

Luận nói: “Trong đây trí Vô phân biệt gia hạnh có ba thứ, là vì nhân duyên dẫn phát luôn tập mà sinh sai biệt”.

Giải thích: Ở đây trí Vô phân biệt gia hạnh có ba thứ sai biệt, hoặc là do lực chủng tánh, hoặc do lực tiền sinh dẫn phát, hoặc do lực hiện tại luôn tập mà được sinh. “Lực chủng tánh”, là chủng tánh làm nhân mà được sinh. “Lực tiền sinh dẫn phát”, là do sự luyện tập quen trong đời trước làm nhân mà được sinh. “Lực hiện tại luôn tập”, là do lực sử dụng của đời hiện tại làm nhân mà được sinh.

Luận nói: “Trí Vô phân biệt căn bản cũng có ba thứ sai biệt, là hỷ tức, không điên đảo, vô hý luận, vì không có phân biệt sai biệt”.

Giải thích: Trong đây hỷ tức vô phân biệt, phải biết là văn và tư đã đến cứu cánh, vì do hỷ tức nên không sinh phân biệt trở lại, gọi là trí hỷ tức vô phân biệt, là các Bồ-tát trụ địa dị sinh, nếu đắc giác huệ văn tư cứu cánh thì sinh hỷ tức, khởi nghĩ: “Nếu chỗ văn, tư đến cùng cực nơi đây, thì do nghĩa đó nên gọi là trí hỷ tức vô phân biệt”. Lại có nghĩa khác, phải biết là thế gian cũng có trí hỷ tức vô phân biệt, là các hữu tình đến thứ nhất hữu kiến làm Niết-bàn, liền sinh hỷ tức khởi nghĩ như vậy: “Qua khỏi đây thì không có chỗ đáng phải đến”, gọi là trí hỷ tức vô phân biệt.

Không điên đảo không phân biệt, là thuộc Thanh-văn, Độc-giác, phải biết nhị thừa kia thông đạt chân như, đắc bốn trí vô đảo của vô thường... từ bốn điên đảo phân biệt của vô thường... gọi là trí không điên đảo không phân biệt.

Không hý luận không phân biệt, là các Bồ-tát, phải biết Bồ-tát đối với tất cả pháp cho đến Bồ-đề đều không có hý luận, phải biết chỗ chứng chân như của trí này vượt qua đường ngôn ngữ, siêu khỏi cảnh của trí thế gian, do đó danh ngôn không thể nói, các trí thế gian không

thể hiểu rõ.

Luận nói: “Trí Vô phân biệt hậu đắc có năm thứ, là thông đạt, tùy niệm, an lập, hòa hợp và như ý, vì xét chọn sai biệt”.

Giải thích: Năm thứ sai biệt của trí hậu đắc này là: 1. xét chọn thông đạt. 2. xét chọn tùy niệm. 3. xét chọn an lập. 4. xét chọn hoà hợp. 5. xét chọn như ý. Trong đây thông đạt xét chọn, là khi thông đạt thì tư duy chọn lựa như vậy: “Ta đã thông đạt rồi”, ở đây ý của xét chọn là lấy giác để quán sát. Xét chọn tùy niệm, là từ thông đạt này mà phát xuất tùy theo ức niệm: “Ta đã thông đạt tánh vô phân biệt”. Xét chọn an lập, là vì người khác mà nói sự thông đạt này. Xét chọn hoà hợp, là trí tổng duyên quán tất cả pháp đều đồng một tướng, do trí này nên tiến đến chuyển y, hoặc đã chuyển y rồi mà khởi lại trí này. Xét chọn như ý, là tùy chỗ tư duy mà tất cả đều như ý, do xét chọn này mà có thể biến đất... khiến thành kim, ngân... vì được như ý mà khởi xét chọn này, nên gọi là xét chọn như ý. Như có người nói: “Do xét chọn mà liền được như ý”. Tuy đã thành lập trí Vô phân biệt, nhưng cũng chưa nói thành lập nhân duyên nên lại nói những bài tụng sau để hiển thị:

Luận nói: Lại có nhiều bài tụng thành lập trí Vô phân biệt như vậy:

*Quỷ, bàng sinh, nhân, thiên,
Mỗi loài tùy thích ứng,
Sự đồng nhưng tâm khác,
Nhận nghĩa không chân thật.
Đối với sự quá khứ,
Mộng tượng trong hai ảnh,
Tuy chỗ duyên không thật,
Nhưng cảnh tượng thành tựu.
Nếu tánh nghĩa nghĩa thành,
Không trí Vô phân biệt,
Đây nếu không Phật quả,
Chứng đắc không đúng lý.
Bồ-tát đạt tự tại,
Vì do lực thắng giải,
Như muốn địa cùng thành,
Người đắc định cũng vậy.
Người thành tựu xét chọn,
Người có trí đắc định,
Tư duy tất cả pháp,*

*Như nghĩa đều hiển hiện,
Trí Vô phân biệt hành,
Các nghĩa đều không hiện,
Phải biết không có nghĩa,
Do đó không có thức.*

Giải thích: “Quý, bàng sinh, nhân, thiên, mỗi loài tùy thích ứng”, là đối với chỗ thấy nơi có nước của loài bàng sinh, thì loài ngựa quý thấy đó là lục địa cao nguyên, đối với chỗ thấy nơi có phần ếch của con người, thì loài bàng sinh như heo... thấy đó là nhà cửa tịnh diệu đáng ở, đối với chỗ thấy của con người là ẩm thực tịnh diệu, thì chư thiên thấy là hôi dơ bất tịnh, như vậy tâm của chúng sinh trong các sự thấy khác nhau, phải biết nghĩa cảnh không phải có chân thật. Nếu nghĩa thật ra không có thức thì phải không có cảnh. Có không cảnh thức, như duyên quá khứ và vị lai, như duyên ảnh tượng trong mộng tượng, như duyên gương soi... và chỗ hiện hành ảnh tượng của Tam-ma-địa. Vì hiển nghĩa này nên nói một bài kệ, là đối với quá khứ... trong đây nửa bài tụng trước do nửa bài tụng sau giải thích, phải biết tướng của nó là như thứ tự của nó, do không có riêng thật cảnh, nên nói có “không cảnh thức”, do tự biến làm cảnh nên nói “cảnh tướng thành tự”, tức là tự duyên nghĩa ảnh tượng của tâm, là duyên hai ảnh tượng của quá khứ và vị lai, thứ tự an lập cảnh tướng thành tự. “Nếu tánh nghĩa nghĩa thành, không trí Vô phân biệt”, là nếu nghĩa thật có tự tánh của nghĩa thì phải không có trí Vô phân biệt. Nếu không có trí Vô phân biệt thì sẽ có lỗi gì? Đây là “nếu không có Phật quả, chứng đắc không đúng lý”, là nếu ông bác không có trí Vô phân biệt thì không nên chứng đắc Phật quả, phải quyết định thừa nhận có trí Vô phân biệt như vậy. “Bồ-tát đắc tự tại”, là Bồ-tát đã chứng đắc tự tại. “Vì do lực thắng giải”, là do diệu lực nguyện lạc. “Như muốn đất thành vàng”, là như muốn đất... thành các tướng kim, ngân... Tùy theo sự mong muốn mà thành. “Người đắc định cũng vậy”, là các Thanh-văn, Độc-giác khác. “Người thành tựu lựa chọn”, là người đã thành mãn Tỳ-bát-xá-na. “Người có trí”, là các Bồ-tát. “Đắc định”, là đắc Tam-ma-địa. “Tư duy tất cả pháp, như nghĩa đều hiển hiện”, là định huệ của Bồ-tát gồm thâm tâm tại bên trong, như vậy mà tư duy nghĩa pháp của các kinh, như vậy như vậy đều được hiển hiện. Nếu khi niệm Phật thì tùy chỗ nhớ nghĩ nghĩa của Phật trong các pháp hiển hiện, tư duy sắc thọ phải biết cũng vậy. “Trí Vô phân biệt hành, các nghĩa đều không hiện”, là trí Vô phân biệt khi đang hiện hành thì tất cả nghĩa cảnh đều không hiển hiện. “Phải biết không có nghĩa”, là

do trước đã nói vô số đạo lý, phải biết nghĩa cảnh thật ra là không có, vì muốn hiển thức của nó như cảnh cũng không nên nói: “Do đó không có thức”. Nghĩa cảnh của đối tượng thức hiện đã là không có. Do đây, phải biết chủ thể thức cũng không có. Nghĩa này như trước trong tướng của đối tượng nhận thức đã hiển rõ ràng.

Luận nói: “Bát-nhã Ba-la-mật-đa cùng với trí Vô phân biệt có sai biệt, như nói Bồ-tát an trụ Bát-nhã Ba-la-mật-đa phi xứ tương ứng, có thể đối với Ba-la-mật-đa nơi khác mà tu tập viên mãn. Thế nào gọi là phi xứ tương ứng tu tập viên mãn? Là do xa lìa năm xứ: 1. Xa lìa xứ ngã chấp của ngoại đạo. 2. Xa lìa xứ phân biệt của Bồ-tát chưa thấy chân như. 3. Xa lìa xứ nhị biên của sinh tử và Niết-bàn. 4. Xa lìa xứ sinh hỷ tức chỉ đoạn phiền não chướng. 5. Xa lìa trụ xứ vô dư y Niết-bàn giới không đoái nhìn lợi ích an lạc của hữu tình”.

Giải thích: Trí Vô phân biệt tức là Bát-nhã Ba-la-mật-đa, do trong kinh kia nói: “Vì Bồ-tát an trụ Bát-nhã Ba-la-mật-đa phi xứ tương ứng, có thể đối với Ba-la-mật-đa nơi khác mà tu tập viên mãn”. Vì muốn khiến biết như vậy mà hiển thị đoạn văn đó.

“Xa lìa xứ ngã chấp của ngoại đạo”, là như ngoại đạo trụ trong Bát-nhã chấp ngã, ngã sở, khởi nghĩ như vậy: “Ta có thể trụ Bát-nhã, Bát-nhã là của ta”. Bồ-tát không như thế, vì xa lìa xứ ngã chấp của các ngoại đạo như vậy, phải biết gọi là phi xứ tương ứng, an trụ Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

“Xa lìa xứ phân biệt của Bồ-tát chưa thấy chân như”, là như Bồ-tát chưa thấy chân như, trong vô phân biệt Bát-nhã Ba-la-mật-đa, mà phân biệt đây là Bát-nhã Ba-la-mật-đa, Bồ-tát xa lìa phân biệt như vậy, phải biết gọi là phi xứ tương ứng an trụ Bát-nhã Ba-la-mật-đa. “Xa lìa nhị biên xứ của sinh tử và Niết-bàn”, là như thế gian an trụ sinh tử, các Thanh-văn, Độc-giác an trụ Niết-bàn. Bồ-tát thì không như thế, xa lìa nhị biên, phải biết gọi là phi xứ tương ứng an trụ Bát-nhã Ba-la-mật-đa. “Xa lìa xứ sinh hỷ tức chỉ đoạn phiền não chướng”, là như Thanh-văn, Độc-giác chỉ đoạn phiền não chướng liền sinh hỷ tức. Bồ-tát thì không như thế, do ý nghĩa sâu xa này, phải biết gọi là phi xứ tương ứng an trụ Bát-nhã Ba-la-mật-đa. “Xa lìa xứ trụ Niết-bàn giới vô dư y không đoái nhìn lợi ích an lạc của hữu tình”, là như Thanh-văn, Độc-giác không đoái nhìn lợi ích an lạc của hữu tình, đối với Niết-bàn vô dư y mà bất Niết-bàn. Bồ-tát thì không như thế, không trụ chỗ trụ của Thanh-văn, phải biết gọi là phi xứ tương ứng an trụ Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Luận nói: “Trí của Thanh-văn, Độc-giác cùng với trí của Bồ-tát

có gì khác nhau? Phải biết do năm thứ tướng sai biệt: 1. Do trí Vô phân biệt sai biệt, là đối với các pháp của uẩn... không có phân biệt. 2. Do phải không là ít phần khác nhau, là đối với thông đạt chân như nhập hết thấy cảnh giới đối tượng nhận thức, rộng vì độ thoát tất cả hữu tình, không phải là ít phần. 3. Do vô trụ sai biệt, là Niết-bàn vô trụ làm chỗ trụ. 4. Tất cánh sai biệt, là trong Niết-bàn vô dư y không có đoạn tận. 5. Do Vô thượng sai biệt, là đối với Vô thượng trên đây không có thừa nào khác vượt hơn thừa này. Trong đây có tụng:

*Các đại bi làm thể,
Do năm trí tướng thắng,
Đây trong thế, xuất thế,
Thừa này tối cao xa.*

Giải thích: Trong đây hiển thị năm tướng sai biệt của trí Thanh-văn, Độc-giác cùng với trí Bồ-tát. Trí Vô phân biệt sai biệt, là trí của Thanh-văn, Độc-giác duyên thức phân biệt của các uẩn mà sinh, không phải trí của Bồ-tát phân biệt các uẩn. Không phải là ít phần sai biệt, là hiển ba thứ tánh không phải là ít phần: 1. Chỗ đạt chân như không phải là ít phần tánh. 2. Cảnh giới đối tượng nhận thức không phải là ít phần tánh. 3. Chỗ độ hữu tình không phải là ít phần tánh. Chỗ đạt chân như không phải là ít phần tánh, là trí Bồ-tát thông đạt đầy đủ về Bồ-đặc-già-la pháp tánh vô ngã, trí của Thanh-văn, Độc-giác khi nhập chân như chỉ có thể thông đạt tánh Bồ-đặc-già-la vô ngã. Cảnh giới đối tượng nhận thức không phải là ít phần tánh, là trí Bồ-tát duyên rộng tất cả của cảnh đối tượng nhận thức mà sinh, trí của Thanh-văn, Độc-giác chỉ duyên nơi... các đế như khổ mà sinh. Hữu tình được độ không phải là ít phần tánh, là trí Bồ-tát rộng vì độ thoát tất cả hữu tình, siêng năng tiến đến Bồ-đề, trí của Thanh-văn, Độc-giác thì chỉ cầu tự lợi.

Vô trụ sai biệt, là trí Bồ-tát chính là vì an trụ Niết-bàn vô trụ, không phải Thanh-văn, Độc-giác, nên có sai biệt.

Tất cánh sai biệt, là Thanh-văn, Độc-giác trong Niết-bàn vô dư y tất cả đều diệt tận, Bồ-tát trong cõi Niết-bàn này thì công đức vô tận, nên có sai biệt. Vô thượng sai biệt, là trên Thanh-văn, Độc-giác có Đại thừa, chính Bồ-tát thừa thì không có thừa nào trên nữa, nên có sai biệt. Vì hiển nghĩa này nên nói một bài kệ. “Đây trong thế, xuất thế”, là đây trong cõi Sắc, cõi Vô sắc thế gian, và đây trong thừa Thanh-văn, Độc-giác xuất thế gian.

Luận nói: “Nếu các Bồ-tát thành tựu công đức như vậy viên mãn của giới tăng thượng, chất-đa tăng thượng và Bát-nhã tăng thượng, đối

với các tài vị đắc tự tại, tại sao hiện thấy có các hữu tình thiếu thốn tài vị? Vì thấy hữu tình kia vì đối với các tài vị có nghiệp chướng nặng, thấy hữu tình kia nếu thí tài vị thì chướng ngại sự sinh pháp thiện, thấy hữu tình kia nếu thiếu thốn tài vị chán lìa hiện tiền, thấy hữu tình kia nếu thí tài vị thì liền làm nhân tích tập pháp bất thiện, thấy hữu tình kia nếu thí tài vị thì liền làm nhân tổn não vô lượng hữu tình khác, nên hiện thấy có các hữu tình thiếu thốn tài vị. Trong đây có tụng:

*Thấy nghiệp chướng hiện tiền,
Tích tập và tổn não,
Hiện có các hữu tình,
Không cảm Bồ-tát thí.*

Giải thích: Ở đây hiển thị, do nhân duyên đó, Bồ-tát tuy đắc tài vị tự tại đại bi đầy đủ mà không thí tài vị cho hữu tình. “Vì thấy hữu tình kia đối với các tài vị có nghiệp chướng nặng”, là các hữu tình có nghiệp ác chướng ngại thần lực của Bồ-tát, do ác nghiệp kia tạo chướng ngại nơi trí vô chướng ngại của Bồ-tát. Do thấy như vậy, tuy có gắng nhận, tuy hữu tình kia thiếu thốn, nhưng liền buông bỏ, trong đây phải dẫn thí dụ ngạ quỷ và dòng sông. Như dòng sông có nước, không có ai tạo chướng ngại nơi người uống, nhưng các ngạ quỷ do tự tội lỗi của nghiệp mà không uống được. Điều này cũng như vậy, sông thí dụ cho Bồ-tát, tài vị thí dụ cho nước, quỷ thí dụ cho hữu tình. Như loài ngạ quỷ kia không uống dùng chung nước sạch trong sông, như vậy là chúng không thọ dụng chung tài vị của Bồ-tát. “Thấy hữu tình kia nếu thí tài vị thì chướng ngại sự sinh khởi pháp thiện”, là lại có Bồ-đặc-già-la khác, tuy không có nghiệp chướng, nhưng Bồ-tát thấy hữu tình kia trong tương tục đang sinh pháp thiện, nếu thí tài vị thì thọ giàu vui, do đó chướng ngại hữu tình kia sinh thiện, khởi nghĩ như vậy: “Thà là hữu tình kia bản tiện mà thuận sinh pháp thiện, chớ nên khiến hữu tình kia phú quý làm chướng ngại sinh khởi pháp thiện”. Do đạo lý này, tuy được tự tại nhưng không thí tài vị. “Thấy hữu tình kia nếu thiếu thốn tài vị chán lìa hiện tiền”, là lại có Bồ-đặc-già-la khác, Bồ-tát thấy hữu tình kia do bản tiện nên chán lìa hiện tiền, khởi nghĩ như vậy: “Thà là bản tiện chán lìa hiện tiền mà tùy thuận pháp thiện, chớ để hữu tình kia phú quý mà không sinh chán lìa”. Do đạo lý ấy, tuy được tự tại nhưng không thí tài vị. “Thấy hữu tình kia nếu thí tài vị thì liền làm nhân tích tập pháp bất thiện”, là lại có Bồ-đặc-già-la khác, Bồ-tát thấy hữu tình kia cho đến bản cùng mà thường không tích tập pháp bất thiện, khởi nghĩ như vậy: “Thà là bản cùng mà không tạo các ác, chớ để cho hữu tình kia phú quý

mà tích tập các pháp bất thiện”. Do đạo lý này, tuy được tự tại nhưng không thí tài vị. “Thấy hữu tình kia nếu thí tài vị thì liền làm nhân tổn não vô lượng hữu tình khác”, là lại có Bồ-đặc-già-la khác, Bồ-tát thấy hữu tình kia đấng đại tài vị thì liền làm khổ não vô lượng hữu tình, khởi nghĩ như vậy: “Thà khiến hữu tình kia một thân riêng thọ bần tiện, chớ để hữu tình ấy phú quý mà tổn não vô lượng hữu tình khác”. Do đạo lý này, tuy được tự tại nhưng không thí tài vị. Vì để hiển nghĩa này nên nói kệ, là thấy hữu tình có nghiệp chướng, vì chướng ngại sinh thiện, nên chán hiện tiền, tích tập các ác và tổn não người khác, không chiêu cảm Bồ-tát bố thí tài vị cho hữu tình, nên hiện thấy có hữu tình bị thiếu thốn. Đây là hiển nghĩa sơ lược, nghĩa còn lại rộng để hiểu.

PHẦN THỨ 10: QUẢ ĐOẠN

Luận nói: “Như vậy đã nói tuệ tăng thượng thù thắng, quả đoạn thù thắng kia làm sao thấy được? Vì xả tạp nhiễm mà không xả sinh tử, chuyển y của hai chỗ nương dựa làm tướng. Ở đây sinh tử là phần tạp nhiễm của tánh Y tha khởi, Niết-bàn là phần thanh tịnh của tánh Y tha khởi, hai chỗ nương dựa là chung hai phần tánh Y tha khởi, chuyển y tức là tánh Y tha khởi khởi đối trị thì chuyển xả phần tạp nhiễm và chuyển đắc phần thanh tịnh”.

Giải thích: Niết-bàn vô trụ lấy chuyển y của hai chỗ nương dựa là bỏ tạp nhiễm không bỏ sinh tử làm tướng”, là khi trụ chuyển y này thì không dung chứa phiền não, không bỏ sinh tử, là tướng chuyển y này. Cái gì là sinh tử? Là phần tánh tạp nhiễm của Y tha khởi. Cái gì là Niết-bàn? Là phần tánh thanh tịnh của Y tha khởi. Cái gì là chỗ dựa? Là chung hai phần nương dựa tự tánh. Cái gì là chuyển y? Tức là tánh đối trị này khi sinh thì bỏ phần tạp nhiễm mà đắc phần thanh tịnh.

Luận nói: “Lại nữa, chuyển y này lược có sáu thứ: 1. Chuyển tổn lực ích chủ thể, là lực thắng giải huân tập văn trụ và do có hổ thẹn, khiến cho phiền não ít phần hiện hành và không hiện hành. 2. Chuyển thông đạt: Là các Bồ-tát đã nhập đại địa, đối với chân thật và phi chân thật, hiển hiện và phi hiển hiện trụ nơi hiện tiền, cho đến sáu địa. 3. Chuyển tu tập, là còn có chướng, hết thấy tướng không hiển hiện vì chân thật hiển hiện, cho đến mười địa. 4. Chuyển quả viên mãn, là vĩnh viễn không có chướng, hết thấy tướng không hiển hiện, thanh tịnh chân thật hiển hiện, vì đối với hết thấy tướng đắc tự tại. 5. Chuyển hạ liệt, là Thanh-văn... chỉ có thể thông đạt Bồ-đặc-già-la tánh không, vô ngã, vì hoàn toàn trái nghịch sinh tử, hoàn toàn bỏ sinh tử. 6. Chuyển quảng đại, là các Bồ-tát gồm luôn việc thông đạt tánh pháp không vô ngã, tức là đối với sinh tử thấy là tịch tĩnh, tuy đoạn tạp nhiễm nhưng không bỏ tạp nhiễm. Nếu các Bồ-tát trụ nơi chuyển hạ liệt thì có lỗi gì? Vì không đoái nhìn sự lợi ích an lạc của tất cả hữu tình, vì trái vượt tất cả pháp của Bồ-tát, vì cùng với thừa hạ liệt đồng giải thoát. Đó là lỗi! Nếu các Bồ-tát trụ nơi chuyển quảng đại thì có công đức gì? Trong pháp sinh tử lấy tự chuyển y làm chỗ dựa, vì đắc tự tại, đối với tất cả cõi thị hiện thân của tất cả hữu tình, trong sinh tối thắng và ba thừa, các thứ phương tiện thiện xảo điều phục, an lập chỗ hoá độ các hữu tình. Đó là công đức”!

Giải thích: Lại nữa, chuyển y này lược có sáu thứ.

1. Chuyển tổn lực ích chủ thể: Là tổn giảm phiền não nơi lực

huân tập trong thức A-lại-da, tăng ích công năng đối trị của nó mà đặc chuyển y này.

“Là do lực thắng giải huân tập văn trụ”, là trụ địa thắng giải hạnh mà an lập huân tập văn nên đặc chuyển y này. “Và do có hổ thẹn”, là trong địa này, nếu phiền não hiện hành thì liền hổ thẹn sâu xa, hoặc ít phần hiện hành, hoặc hoàn toàn không hiện hành.

2. Chuyển thông đạt: Là chỗ đặc chuyển y khi nhập địa. “Đối với chân thật và phi chân thật”, là chuyển y này cho đến sáu địa, hoặc có khi làm nhân hiển hiện của chân thật, hoặc có khi xuất quán làm nhân hiển hiện của phi chân thật.

3. Chuyển tu tập: Là còn có chướng, do đối tượng nhận thức chướng gọi là hữu chướng. “Hết thấy tướng không hiển hiện...”, là chuyển y này cho đến mười địa, tất cả hữu tướng không hiện trở lại, chỉ có vô tướng chân thật hiển hiện.

4. Chuyển quả viên mãn: Là vĩnh viễn không có chướng, do không có hết thấy chướng gọi là vô chướng. “Hết thấy tướng không hiển hiện”, vì không có tất cả chướng. “Thanh tịnh chân thật hiển hiện”, là do quả viên mãn này. “Vì đối với hết thấy tướng đặc tự tại”, là do quả này làm chỗ nương mà đặc tướng tự tại, tùy theo chỗ muốn làm lợi lạc cho hữu tình.

5. Chuyển hạ liệt là Thanh-văn..., chữ đẳng (vân vân...) Đồng lấy Độc-giác, là chỉ có thể thông đạt một không là vô ngã, vì không thể lợi tha, vì là thiếu kém.

6. Chuyển quảng đại là các Bồ-tát, là do kiêm gồm thông đạt hai không vô ngã. An trụ trong đây thì xả các tạp nhiễm, vì không xả sinh tử gồm luôn lợi tha, vì là quảng đại.

Chuyển trụ hạ liệt thì có lỗi gì? Vì không đoái nhìn hữu tình, vì trái vượt pháp Bồ-tát, đồng với thừa hạ liệt. Đó là lỗi! Trụ chuyển quảng đại thì có công đức gì? Vì lấy tự chuyển y làm chỗ nương dựa, đối với tất cả pháp đặc tự tại, đối với tất cả cõi thị hiện thân tất cả đồng phận, trong sinh tối thắng và ba thừa, các thứ phương tiện thiện xảo điều phục nơi trí, an lập chỗ hoá độ hữu tình khó điều phục. Đó là công đức! Trong đây có ý lấy phú quý của thế gian làm sinh tối thắng.

Luận nói: ở đây có nhiều bài tụng:

*Phàm phu che chân thật,
Hoàn toàn hiển hư vọng,
Các Bồ-tát bỏ vọng,
Hoàn toàn hiển chân thật.*

*Phải biết hiển, chẳng hiển,
 Chân nghĩa, phi chân nghĩa,
 Chuyển y tức giải thoát,
 Tùy dục hành tự tại .
 Nơi sinh tử, Niết-bàn,
 Hoặc khởi trí bình đẳng ,
 Lúc đó do chứng trí,
 Sinh tử tức Niết-bàn.
 Do đó nơi sinh tử,
 Không xả, không chẳng xả,
 Cũng là nơi Niết-bàn,
 Phi đắc, phi bất đắc.*

Giải thích: Vì hiển bày chuyển y nên nói nhiều bài tụng. Như các phàm phu do vô minh nên che chướng chân thật, hiển cả thấy hư vọng của tất cả chúng. Như vậy các bậc Thánh thì vô minh đoạn nên xả hư vọng, hiển cả thấy chân thật của tất cả chúng. Do đạo lý này, phải biết “nên biết hiển, bất hiển, chân nghĩa, phi chân nghĩa”, là Biện kế sở chấp phi chân không chuyển, vì tướng Viên thành thật chân nghĩa chuyển. Nói “chuyển y”, đây tức là chuyển y chân nghĩa hiện hành trong quả vị này, vì phi chân thật nghĩa thì không hiện hành. “Tức giải thoát”, tức là chuyển y này cùng với giải thoát tương ứng. “Tùy dục hành tự tại”, là giải thoát ấy tùy chỗ muốn tự tại mà hành, không như chỗ đắc giải thoát của Thanh-văn, giống như bị chém đầu, vì rớt ráo an trụ bát Niết-bàn. “Nơi sinh tử, Niết-bàn, hoặc khởi trí bình đẳng”, là đối với sinh tử và đối với Niết-bàn khởi trí bình đẳng, do tánh vô phân biệt của hai pháp này, ngay khi khởi trí bình đẳng là nghĩa “lúc đó”. Lại nữa, hai pháp này thế nào là bình đẳng? Vì các tạp nhiễm gọi là sinh tử, tức là tánh vô ngã của pháp tạp nhiễm gọi là Niết-bàn, Bồ-tát thông đạt các pháp vô ngã thì trí bình đẳng sinh. Thấy các pháp kia đều không có tự tánh, thì các pháp có sinh tử tức là Niết-bàn. Vì chính trong đó, thấy cực tịch tĩnh tức là Niết-bàn. Nếu biết như vậy thì có sở đắc gì nữa? “Do đó nơi sinh tử, phi xả, phi bất xả”, là có sinh tử tức là Niết-bàn, nên không xả tức là không có riêng nghĩa có thể xả được, tức là trong sinh tử đó thấy không có tánh, nên lìa các tạp nhiễm, gọi là phi bất xả, đã đắc như vậy cũng tức là phi đắc và phi bất đắc đối với Niết-bàn, lìa ngoài sinh tử thì không có Niết-bàn, nhưng có thể chứng đắc, nên gọi là phi đắc. Lại trong sinh tử đó thấy tịch tĩnh, tuy không có tánh riêng mà chứng Niết-bàn nên gọi là phi bất đắc.

PHẦN 11: QUẢ TRÍ KIA

Luận nói: “Như vậy đã nói xong quả đoạn thù thắng kia, quả trí thù thắng ấy làm sao thấy được? Phải biết quả trí thù thắng là do ba thứ Phật thân: 1. Do thân tự tánh. 2. Do thân thọ dụng. 3. Do thân biến hóa. Trong ấy thân tự tánh là Pháp thân của chư Như Lai, là chỗ dựa của tất cả pháp tự tại chuyển. Thân thọ dụng là nương vào Pháp thân, là các thứ chỗ hiển chứng hội của chư Phật, cõi Phật thanh tịnh và pháp lạc Đại thừa làm chỗ lãnh thọ. Thân biến hóa cũng là nương vào Pháp thân, từ thiên cung Đổ-sử-đa hiển thị không thọ sinh không thọ dục, tại du thành xuất gia, đến chỗ tu khổ hạnh của ngoại đạo, chứng đại Bồ-đề, chuyển đại pháp luân, nhập đại Niết-bàn”.

Giải thích: Bây giờ sẽ giải thích quả trí thù thắng, đây là do chỗ hiển ba thân của Phật. Thân tự tánh là chỗ lưu truyền pháp lạc của các pháp giới, là chỗ dựa của đại tự tại chuyển. Thân thọ dụng tức là nương vào Pháp thân nói trước, là các chỗ hiển chứng hội của chư Phật, trong quốc độ thanh tịnh của Phật, thọ dụng chỗ lưu hành của tất cả pháp giới, là chỗ dựa của vô số pháp lạc nơi của các kinh Đại thừa. Lại có nghĩa khác, là thọ dụng chỗ dựa của Phật độ thanh tịnh, lại là thọ dụng chỗ nương dựa của pháp lạc Đại thừa. Biến Hóa thân cũng nương vào Pháp thân. “Từ thiên cung Đổ-sử-đa hiển thị chết, cho đến nhập đại Niết-bàn”, là hiển thị chỗ nương dựa của thân đồng phạm nhân thiên.

Luận nói: Trong đây nói một bài tụng:

*Tướng chứng đắc tự tại,
Nương dựa và thấu giữ,
Đức thậm thâm sai biệt,
Niệm nghiệp chư Phật sáng.*

Giải thích: Vì hiển rõ thân chứng đắc của chư Phật mà nói tụng về tướng đẳng...

Luận nói: “Pháp thân của chư Phật lấy gì làm tướng? Phải biết Pháp thân lược có năm tướng”.

Giải thích: Phải biết Pháp thân có vô lượng tướng, hiện tại trong đây lược nói có năm tướng.

Luận nói: “1. Chuyển y làm tướng, là chuyển diệt tánh Y tha khởi của hết thủy chướng nơi phần tạp nhiễm, chuyển đắc giải thoát hết thủy chướng đối với pháp tự tại, chuyển hiện tiền tánh Y tha khởi của phần thanh tịnh”.

Giải thích: “Chuyển diệt tánh Y tha khởi của hết thủy chướng nơi

phần tạp nhiễm”, là chuyển diệt tánh Y tha khởi với phần tạp nhiễm. “Chuyển đắc giải thoát hết thảy chướng đối với pháp tự tại, chuyển hiện tiền tánh Y tha khởi của phần thanh tịnh”, là đối với tất cả pháp tự tại chuyển trụ mà chuyển đắc tánh Y tha khởi với thanh tịnh phần.

Luận nói: “2. Chỗ tạo thành do pháp trắng làm tướng, là sáu Ba-la-mật-đa viên mãn, đắc mười tự tại, trong ấy là thọ mạng tự tại, tâm tự tại và các vật dụng tự tại, do thí Ba-la-mật-đa viên mãn, nghiệp tự tại và sinh tự tại do giới Ba-la-mật-đa viên mãn; thắng giải tự tại do nhẫn Ba-la-mật-đa viên mãn, nguyện tự tại do tinh tấn Ba-la-mật-đa viên mãn, thần lực tự tại là chỗ gồm thấu năm thông, do tĩnh lự Ba-la-mật-đa viên mãn, trí tự tại và pháp tự tại do Bát-nhã Ba-la-mật-đa viên mãn”.

Giải thích: “Chỗ thành do pháp trắng làm tướng”, là do sáu Ba-la-mật-đa viên mãn, chứng đắc mười thứ tự tại của Pháp thân. Là tự tánh của nó nên gọi là “chỗ tạo thành”. Thọ mạng tự tại, phải biết là tùy theo ý muốn trụ bằng bao nhiêu thời gian, liền có thể như ý hiển thị nơi chính bản thân mình. Tâm tự tại, là trong sinh tử có thể không có nhiễm ô. Các vật dụng tự tại, là đối với ẩm thực có mười thứ vật dụng, tùy chỗ muốn đều có thể được như ý. Như có tụng :

*Các Bồ-tát tư duy,
Hoặc tịnh, hoặc bất tịnh,
Tất cả thành hay đẹp,
Đều do ý tự tại.*

Phải biết ba thứ tự tại như vậy, đều do thí Ba-la-mật-đa viên mãn làm nhân. “Nghiệp tự tại và sinh tự tại do giới Ba-la-mật-đa viên mãn”, là nhân của chủ thể thấu tóm sinh khởi này và quả được sinh, phải biết nghiệp tự tại trong đây là do thân nghiệp ngữ nghiệp tự tại mà chuyển, tùy theo chỗ muốn sinh mà nghiệp hiện tiền. Sinh tự tại, phải biết đối với sinh tự tại mà chuyển, đối với các cõi thì tùy theo chỗ muốn của nó mà thấu tóm sự thọ sinh. Do đạo lý này mà hiển tu thi-la, đối với nghiệp nhân của nó và đối với quả sinh đều được tự tại.

“Thắng giải tự tại do nhẫn Ba-la-mật-đa viên mãn”, là khiến cho các pháp đều tùy tâm chuyển, tùy theo thắng giải, như sự thắng giải, tất cả sự được thành, như tùy chỗ muốn mà chuyển biến đất thành kim, ngân, chuyển biến nước khiến thành lửa, vì khi tu nhẫn thì tùy theo chỗ thích chuyển của ý hữu tình khiến đạt được đối với tất cả pháp đều tùy tâm chuyển.

“Nguyện tự tại do tinh tấn Ba-la-mật-đa viên mãn”, là tu tất cả chỗ tạo tác của tinh tấn đều có thể rất ráo, nên chỗ tư duy sự nghiệp đều

thành, phải biết trước kia khi tu tinh tấn tùy theo sự tạo tác đều có thể rốt ráo, không có giải đãi bỏ phế do nguyện này làm nhân, bây giờ thì tùy chỗ nguyện đều được thành như ý. “Thần lực tự tại là chỗ gồm thâu của năm thông, do tính lực Ba-la-mật-đa viên mãn”, là do tâm tính lực có khả năng gánh vác dẫn phát chỗ làm của vô số thần thông, không phải chỉ có do thần thông này lướt qua lại trên không, mà cũng có thể biết các sự trong tâm của người khác, do đó nói là chỗ gồm thâu của năm thông. “Trí tự tại và pháp tự tại do Bát-nhã Ba-la-mật-đa viên mãn”, vì biết rõ khắp tất cả cảnh giới nên gọi là trí tự tại. Như tùy theo chỗ muốn có thể chánh an lập các pháp của khế kinh, gọi là pháp tự tại, lại do huệ lực an lập tất cả pháp thể của các uẩn nên gọi là trí tự tại, từ đây về sau chỗ đặc trí nhất thiết chúng gọi là pháp tự tại.

Luận nói: “3. Không hai làm tướng là có không, không hai làm tướng, do cả thấy pháp không có, cái tướng do không làm sáng là thật có. Hai tướng hữu vi, vô vi, do nghiệp không phải cái mà phiền não làm, tự tại hiện hữu làm tướng. Dị tánh, nhất tánh và vô nhị làm tướng, do chỗ dựa của tất cả chư Phật không có sai biệt, vô lượng tướng tục hiện đẳng giác. Trong đây có hai bài tụng:

*Vì ngã chấp không có,
Trong đó không dựa riêng,
Tùy chủ thể chứng trước khác,
Nên nêu bày có khác.
Chúng tánh khác, không hư,
Viên mãn, không bắt đầu,
Dựa vô cấu không khác,
Nên không một, không nhiều.*

Giải thích: Hữu vô không hai làm tướng, là tánh tướng Biến kế sở chấp của tất cả pháp là phi hữu nên tướng phi hữu, chỗ hiển thị tánh không của Viên thành thật, thể của nó thật có nên tướng phi vô. Hữu vi và vô vi không hai làm tướng, là nghĩa tự tánh của phi hữu vi và tự tánh của phi vô vi, vì không phải chỗ sinh của nghiệp phiền não, không phải tướng hữu vi trong hữu vi đặc đại tự tại, niệm niệm thị hiện gọi là tướng hữu vi, do ý thú này không phải tướng vô vi. Mà dị tánh. Nhất tánh không hai làm tướng, vì chỗ dựa Pháp thân không sai biệt, không phải là dị tướng, vì vô lượng dựa nơi chỗ chứng đắc, không phải là nhất tướng, đồng thời nhất và vô nên gọi là vô nhị. Lại lấy kệ để hiển các nghĩa như vậy. “Vì ngã chấp không có, trong đó không dựa riêng”, là đối với lực ngã chấp của thế gian nên có thân dựa riêng, trong đây ngã

chấp đều không có nên không có thân y riêng. Nếu thân chỗ dựa không có sai biệt thì thế nào mà được thừa nhận có nhiều phật? “Tùy chủ thể chứng trước khác, nên nêu đặt có khác”, là do nhiều y thân mỗi mỗi đều là chỗ chứng đắc nên có sai biệt. Để hiển nghĩa này lại nói kệ. “Chủng tánh khác”, là chủng tánh của các Bồ-tát sai biệt có nhiều thứ. “Không hư”, là chủng tánh khác nên gia hạnh cũng dị, gia hạnh khác nên tư lương viên mãn cũng có nhiều thứ, do nhân duyên đó, nếu chỉ có một Phật, thì tư lương của các Phật khác đáng lẽ là không không có quả. “Viên mãn”, là chư Phật đã làm đủ các sự an lạc lợi ích của hữu tình, là chánh an lập đối với tam thừa. Nếu chấp Như Lai không an trí hữu tình vào Phật thừa, thì chỗ làm Phật sự đáng lẽ không viên mãn. Do đạo lý này, phải thừa nhận có nhiều Phật. “Không bắt đầu”, là như sinh tử lưu chuyển kia không có bắt đầu, chư Phật cũng như thế, nếu chỉ có một vị Phật, thì đáng lẽ có bắt đầu, do đó không phải một Phật. “Dựa vô cấu vô biệt”, là do pháp giới vô cấu của Phật làm chỗ dựa không có sai biệt, nên không có nhiều thứ. “Nên phi nhất, phi đa”, là do đạo lý này hiển thị tướng của chư Phật không phải một hay nhiều.

Luận nói: “4. Thường trụ làm tướng, là tướng chân như thanh tịnh, chỗ dẫn của bản nguyện, sự phải làm không hẹn ngày xong”.

Giải thích: Do ba nhân duyên hiển tướng thường trụ: 1. Tướng chân như thanh tịnh, là thể chân như thanh tịnh là thường trụ, để hiển thành Phật, phải biết Như Lai thường trụ làm tướng. 2. Chỗ dẫn của bản nguyện, là khi xưa phát nguyện thường làm cho tất cả hữu tình được lợi lạc, chỗ chứng Phật thân là chỗ dẫn của nguyện này, do nguyện này không phải trống rỗng không có quả, phải biết Như Lai thường trụ làm tướng. Nếu bảo chỗ làm lợi lạc cho tất cả hữu tình của Như Lai đã xong, thì nghĩa này không đúng, vì sự phải làm không hẹn ngày xong, cho đến hiện tại cũng còn vô biên sự phải làm. Vì tất cả hữu tình chưa Niết-bàn, do nhân duyên đó phải biết Như Lai thường trụ làm tướng. Như vậy đã nói, phải biết chư Phật bất khả tư nghì, do nhân duyên là bất khả tư nghì đó, bây giờ sẽ hiển thị.

Luận nói: “5. Bất khả tư nghì làm tướng, là chân như thanh tịnh tự nội chứng, không có thí dụ của thế gian có thể thí dụ được, vì không phải nơi hành xử của tâm tư”.

Giải thích: “Tự nội chứng”, là chỗ chứng tự bên trong của chư Như Lai, vì chân như tự nội chứng này không phải là chỗ tư nghì của tâm tư, đối với thế gian cũng không có thí dụ tương tự với tướng này để thí dụ khiến cho hiểu biết.

Luận nói: Lại nữa, thế nào là tối sơ chứng đắc Pháp thân như vậy? Là duyên tổng tướng thuộc pháp Đại thừa theo cảnh trí Vô phân biệt và năm tướng khéo tu của trí hậu đắc, đối với tất cả địa khéo tập hợp tư lương. Định kim cương dụ phá diệt chướng vi tế khó phá, định này vô gián là tất cả chướng nên đắc chuyển y”.

Giải thích: Hiện tại phải nói là sự chứng đắc Pháp thân. “Đầu tiên chứng đắc”, là hiển Pháp thân này không phải là chỗ sinh khởi, vì thể là vô vi. Nếu là chỗ sinh khởi thì đáng lẽ là vô thường. “Định kim cương dụ”, là Tam-ma-địa này dụ như kim cương, có thể phá trừ các chướng vi tế khó phá. “Nên đắc chuyển y”, là do Tam-ma-địa kim cương dụ có thể chứng chuyển y cho đến đắc Pháp thân.

Luận nói: “Lại nữa, Pháp thân do bao nhiêu tự tại mà đắc tự tại? Lược do năm thứ: 1. Do cõi Phật tướng hảo tự thân vô biên âm thanh tướng vô kiến đánh tự tại, là do chuyển y sắc uẩn. 2. Do vô tội vô lượng lạc trụ quảng đại tự tại, là do chuyển y thọ uẩn. 3. Do biện thuyết hết thấy danh thân cú thân văn thân tự tại, do chuyển y tưởng uẩn. 4. Do hiện hoá biến dịch dẫn dắt đại chúng dẫn dắt pháp trắng tự tại, là do chuyển y hành uẩn. 5. Do trí viên cảnh, bình đẳng, quán sát, thành sở tác, tự tại, là do chuyển y thức uẩn”.

Giải thích: Bây giờ tiếp theo là hiển thị Pháp thân tự tại, do chuyển y... năm uẩn như sắc... Nên đắc năm tự tại.

Trong đây do chuyển y sắc uẩn nên chứng đắc thị hiện cõi Phật tự tại. Do đây thị hiện Phật quốc với châu báu kim, ngân tịnh diệu, cũng được thị hiện tùy theo chính chỗ muốn tự thân tự tại, do đây hiển thị trong hội đại tập, tùy chỗ ưa thích vô số sắc thân thắng giải của các hữu tình, lại cũng tùy chỗ ưa thích có thể hiện vô số tướng hảo tự tại, lại cũng hiện vô biên âm thanh tự tại, lại cũng hiện tướng vô kiến đánh tự tại.

Do chuyển y thọ uẩn, đắc vô tội vô lượng lạc trụ quảng đại tự tại, là đắc tự tại có thể trụ vô tội vô lượng lạc trụ quảng đại, phải biết trong đây do nhiều nên nói là vô lượng, siêu khắp tất cả lạc tam giới nên gọi là lạc trụ tự tại rộng lớn.

Do chuyển y tưởng uẩn, đắc đối với danh thân cú thân văn thân biện thuyết hết thấy tự tại, vì có thể giữ lấy tướng nên gọi là tướng, vì danh thân cú thân văn thân có thể giữ lấy tướng đó chuyển nhiệm tướng uẩn trở lại đắc tướng uẩn thanh tịnh như vậy.

Do chuyển y hành uẩn, đắc hiện hoá biến dịch dẫn dắt đại chúng dẫn dắt pháp trắng tự tại, phải biết trong đây tùy theo chỗ muốn đó mà

hiển thị việc tạo tác, nên gọi là hiện hoá, chuyển đổi khiến cho đất trở thành kim ngân... nên gọi là biến dịch, chỗ ưa thích như ý có thể dẫn dắt các chúng thiên long được xoa... phải biết gọi là dẫn dắt đại chúng, tùy chỗ thích ý mà dẫn các pháp trắng khiến cho hiện tiền, phải biết gọi là dẫn dắt pháp trắng.

Do chuyển y thức uẩn, đặc trí đại viên cảnh, trí bình đẳng tánh, trí diệu quán sát và trí thành sở tác. Trong đây trí đại viên cảnh là không quên mất, pháp cảnh giới của đối tượng nhận thức tuy có hiện tiền nhưng cũng không thể nhớ rõ, như khéo tập tụng đọc sách luận quang minh. Trí bình đẳng tánh, là trước hết khi thông đạt chân pháp giới thì đặc tâm bình đẳng của các hữu tình, phải biết trong đây là cứu cánh thanh tịnh. Trí diệu quán sát, là như tạng chủ, như chỗ muốn đó, theo các môn Đà-ra-ni môn Tam-ma-địa nào khởi ý tư duy thì liền đặc trí tự tại vô ngại chuyển. Trí thành sở tác, là có thể thị hiện từ thiên cung Đổ-sử-đa chết đi cho đến Niết-bàn, vô số Phật sự đều đặc tự tại.

Luận nói: “Lại nữa, Pháp thân do bao nhiêu xứ? Phải biết về chỗ nương dựa nơi lược do ba xứ: 1. Do nương dựa vô số Phật trụ. Trong đây có hai bài tụng:

*Chư Phật chứng đắc năm tánh hỷ,
Đều do cùng chứng đắc tự giới,
Lìa hỷ do không chứng giới này,
Nên người cầu hỷ phải cùng chứng.
Do chủ thể vô lượng và sự thành,
Pháp vị nghĩa đức đều viên mãn,
Đắc hỷ tối thắng không có lỗi,
Vì chư Phật thấy thường vô tận.*

2. Do nương dựa vô số thân thọ dụng, chỉ vì thành thực Bồ-tát.

3. Do nương dựa vô số thân biến hóa, phần nhiều vì thành thực hàng Thanh-văn, Độc-giác”.

Giải thích: Phải biết Pháp thân có bao nhiêu pháp nương dựa, lược có ba thứ, rộng nói thì có vô lượng. Do nương dựa vô số Phật trụ, là Phật an trụ nơi Thánh trụ, thiên trụ và phạm trụ, là nói vô số Pháp thân làm nương dựa của các trụ này, nên gọi là nương dựa Phật trụ. Hoặc nói chư Phật dùng pháp gì để Niết-bàn? Vì giải thoát của Thanh-văn, Độc-giác cùng với giải thoát của chư Như Lai cùng, để hiển chư Phật giải thoát thù thắng, nên nói hai bài kệ. “Chư Phật chứng đắc năm tánh hỷ, đều do cùng chứng tự giới”, là chỗ đắc năm hỷ của chư Như Lai do chứng pháp giới. “Lìa hỷ do không chứng giới này”, là Thanh-văn,

Độc-giác lia năm chủng hỷ đều do không chứng chân pháp giới này. “Nên người cầu hỷ phải đẳng chứng”, nên người muốn cầu hỷ như vậy, cần phải đối với pháp giới này cần cầu chánh chứng. Kế thứ hai là hiển năm hỷ này. “Do chủ thể vô lượng và sự thành, pháp vị nghĩa đức đều viên mãn”, phải biết trong đây “chủ thể vô lượng”, là nương dựa Pháp thân có nhiều Phật thành đẳng chánh giác, vì tất cả công năng đều bình đẳng nên chủ thể vô lượng, do thấy năng vô lượng như vậy nên sinh hoan hỷ sâu xa. “Và sự thành”, là chỗ làm lợi lạc các hữu tình của Như Lai thì đồng với chỗ làm của tất cả Như Lai. Do Phật nhiều nên sự cũng vô lượng, vì thế nói “và”, do thấy vô lượng này nên sinh hoan hỷ sâu xa. “Pháp vị” là do thấy các pháp trong khế kinh có chất vị thù thắng mà sinh hoan hỷ sâu xa. “Nghĩa đức đều viên mãn”, là nghĩa viên mãn và đức viên mãn. Phải biết trong đây tùy chỗ có các sự của chỗ tư niệm, không gì mà chẳng có, gọi là nghĩa viên mãn. Mười lực, bốn vô úy, pháp bất cộng... không gì mà chẳng đủ, gọi là đức viên mãn. “Đắc hỷ tối thắng không có lỗi”, là hỷ này vượt qua hỷ của tam giới nên gọi là tối thắng, vì vĩnh viễn đoạn phiền não gồm cả tập khí nên gọi là không có lỗi. “Vì chư Phật thấy thường vô tận”, là chư Như Lai thấy như chỗ nói kể trước bốn thứ hỷ tối thắng không có lỗi, cùng biên vực sinh tử thường không có tận, đến đại Niết-bàn giới vô dư y cũng vô tận nên sinh hỷ thù thắng, do đó Thế Tôn chứng đắc năm thứ hỷ, không phải Thanh-văn, Độc-giác.

“Do nương dựa vô số thân thọ dụng”, là Pháp thân và thân thọ dụng của Phật làm chỗ nương dựa. Tại sao lại phải nương dựa nơi như vậy? Chỉ vì thành thực Bồ-tát, nếu các chúng Bồ-tát lia thân thọ dụng này đã nhập đại địa thì đáng lẽ không thành thực.

“Do nương dựa vô số thân biến hóa”, là Pháp thân và thân biến hóa của Phật làm chỗ nương dựa. Tại sao lại phải dựa nơi như vậy? Phần nhiều vì thành thực Thanh-văn, Độc-giác, nếu lia biến Hóa thân này thì tín giải yếu kém của hàng Thanh-văn, Độc-giác đáng lẽ không thành thực. “Phần nhiều vì”, phải biết là gồm thâu lấy địa thắng giải hạnh các chúng Bồ-tát.

Luận nói: “Phải biết Pháp thân do bao nhiêu chỗ gồm thâu của pháp Phật? Lược do sáu thứ: 1. Do thanh tịnh, là chuyển thức A-lại-da vì đắc Pháp thân. 2. Do dị thực, là chuyển sắc căn vì đắc trí dị thực. 3. Do an trụ, là chuyển các trụ của dục hành vì đắc vô lượng trí trụ. 4. Do tự tại, là chuyển vô số thân nhận nghiệp tự tại, vì đắc hết thủy thế giới vô ngại với trí thần thông tự tại. 5. Do ngôn thuyết, là chuyển tất cả kiến

văn giác tri, ngôn thuyết, hý luận, vì đặc khiến tâm hết thấy hữu tình trí hỷ biện thuyết tự tại. 6. Do cứu vớt, là chuyển cứu vớt tất cả tai hoạ tội lỗi, vì đặc cứu vớt hữu tình với mọi tai hoạ tội lỗi. Phải biết Pháp thân do chỗ nói sáu thứ nơi đầu giữ của pháp Phật.

Giải thích: Do pháp Phật thân giữ Pháp thân như vậy, bây giờ sẽ hiển thị. “Do thanh tịnh”, là do Phật pháp thanh tịnh thân giữ Pháp thân. Như vậy Pháp thân chứng đắc thanh tịnh thì do chuyển pháp nào? Là chuyển thức A-lại-da. “Vì đặc Pháp thân”, là chuyển diệt thức A-lại-da đắc Pháp thân thanh tịnh, thì Pháp thân thanh tịnh gọi là thanh tịnh. “Do dị thực”, là do Phật pháp dị thực thân giữ Pháp thân. “Chuyển sắc căn”, là chuyển các sắc căn nhãn... “vì đặc trí dị thực”, là chuyển sắc căn kia đắc trí dị thực. “Do an trụ”, là do an trụ pháp Phật gồm thân Pháp thân. “Chuyển các trụ của dục hành”, là chuyển các trụ của thế gian dục hành, đắc trụ Phật pháp. “Vì đặc vô lượng trí trụ”, là do trí này nên trụ vô số trụ. “Do tự tại”, là do Phật pháp tự tại thân giữ Pháp thân. “Chuyển vô số thân nhận nghiệp tự tại”, là chuyển thế gian đo theo lợi, nông nghiệp, vô số sự nghiệp tự tại, vì đặc hết thấy thế giới vô ngại trí thân thông tự tại. “Do ngôn thuyết”, là do ngôn thuyết Phật pháp thân giữ Pháp thân. “Chuyển tất cả kiến văn giác tri, ngôn thuyết, hý luận”, là chuyển kiến văn giác tri, ngôn thuyết, hý luận của thế gian, đắc đối với kiến văn giác tri tự tại. Do kiến văn giác tri này chứng đắc, có thể khiến tất cả hữu tình tâm hỷ trí tự tại. “Do bạt tế”, là do pháp Phật cứu vớt gồm thân Pháp thân. “Chuyển cứu vớt tất cả tai hoạ tội lỗi”, là như thế gian có nhà vua khởi các sự bức nã, do thân hữu lực, do tài bảo lực... Mà có thể cứu vớt. Do chuyển này, nên chứng đắc cứu vớt tất cả hữu tình tất cả tai hoạ tội lỗi trí. Do trí lực này có thể dứt trừ tất cả tai hoạ tội lỗi.

Luận nói: “Pháp thân của chư Phật nên nói là có khác hay nên nói là không khác? Vì dựa vào nghiệp ý lạc không có riêng khác, nên nói là không khác. Vì vô lượng nghiệp nương vào thân mà hiện đẳng giác, nên nói là có khác, như nói Pháp thân, thân thọ dụng của Phật cũng vậy, vì ý lạc và nghiệp không có sai biệt nên nói là không khác, vì không do dựa nơi vô sai biệt, vì vô lượng chỗ dựa sai biệt chuyển, phải biết thân biến hóa cũng nói như thân thọ dụng”.

Giải thích: “Vì vô lượng chỗ dựa sai biệt chuyển”, là thân thọ dụng vô lượng chỗ dựa sai biệt mà chuyển, nên chỉ do ý lạc và nghiệp không có sai biệt thì nên nói là không khác, nương vào thân sự riêng khác thì nên nói là có khác. Trong đây ý lạc vô sai biệt, phải biết đều là

lợi ích an lạc tất cả hữu tình. Nghiệp vô sai biệt, phải biết đều là đồng hiện vô số tác nghiệp của đẳng chánh giác bát Niết-bàn.

Luận nói: “Phải biết Pháp thân có bao nhiêu đức tương ứng? Là bốn vô lượng, giải thoát, thắng xứ, biến xứ, nguyện trí vô tránh bốn vô ngại giải, sáu thần thông, ba mươi hai tướng đại sĩ, tám mươi tùyhảo, bốn tất cả tướng thanh tịnh, mười lực, bốn vô úy, ba bất hộ, ba niệm trụ, dứt trừ tập khí, pháp vô vong thất, đại bi mười tám pháp Phật bất cộng của Phật. Hết thấy tướng diệu trí đẳng công đức tương ứng tất cả đều thanh tịnh tốt cùng. Trong đây có nhiều bài tụng:

*Thương xót các hữu tình,
Khởi hoà hợp, viễn ly,
Thường không bỏ lợi lạc,
Bốn ý lạc quy lễ.
Giải thoát tất cả chướng,
Mâu-ni thắng thế gian,
Trí hiện khắp sở tri,
Tâm giải thoát quy lễ.
Chủ thể diệt các hữu tình,
Tất cả hoặc không sót,
Hại phiền não có nhiễm,
Thường thương xót quy lễ.
Không công dụng, không chấp,
Không ngại, thường tịch định,
Đối với các vấn nạn,
Giỏi giải thích quy lễ.
Với chỗ dựa, chủ thể y,
Đã nói năng và trí, Năng
thuyết huệ vô ngại,
Thường khéo nói quy lễ.
Vì các hữu tình kia,
Nên hiện biết ngôn hạnh,
Qua lai và xuất ly,
Bậc thiện giáo quy lễ.
Chúng sinh thấy Thế Tôn,
Đều xét biết thiện sĩ,
Vừa thấy liền tin sâu,
Bậc khai đạo quy lễ.
Thâu nhận trụ trì xả,*

Hiện hoá và biến dịch,
 Trí đấng trì tự tại,
 Tùy chúng đắc quy lễ.
 Phương tiện quy y tịnh,
 Và Đại thừa xuất ly,
 Đối với chúng sinh này,
 Bạc diệt ma quy lễ.
 Năng thuyết trí và đoạn,
 Xuất ly năng chướng ngại,
 Tự tha lợi không ngoài,
 Ngoại đạo phục, quy lễ.
 Xử chúng hàng phục được,
 Xa lìa hai tạp nhiễm,
 Không giữ, không quên mất,
 Thâu giữ chúng quy lễ.
 Tất cả hành trụ khắp,
 Vô phi viên trí sự,
 Tất cả thời biết khắp,
 Bạc thật nghĩa quy lễ.
 Các hữu tình lợi lạc,
 Việc làm không quá thời,
 Chỗ tạo thường không trống,
 Không quên mất quy lễ.
 Ngày đêm thường sáu thời,
 Quán tất cả thế gian,
 Cùng đại bi tương ứng,
 Ý lợi lạc quy lễ.
 Do hạnh và do chúng,
 Do trí và do nghiệp,
 Với tất cả nhị thừa,
 Bạc tối thắng quy lễ.
 Do ba thân chí đắc,
 Đủ tướng đại Bồ-đề,
 Người khác nghi các chỗ,
 Đều hay đoạn quy lễ.

Pháp thân của chư Phật cùng với công đức như vậy tương ứng, lại cùng với các chỗ tự tánh, nhân quả và nghiệp khác tương ứng, chuyển công đức tương ứng, nên phải biết Pháp thân của chư Phật là công đức

Vô thượng. Ở đây có hai bài tụng:

*Thắng nghĩa tôn thành thật,
Tất cả địa đều xuất,
Đến các chúng sinh thượng,
Giải thoát các hữu tình.
Đức vô tận, vô đẳng,
Tương ứng hiện thế gian,
Chúng hội có thể thấy,
Không phải thấy nhân thiên.*

Giải thích: Pháp thân của chư Phật cùng với công đức đã nói của bốn vô lượng tương ứng, lại cùng với các tự tánh, nhân quả, nghiệp khác tương ứng, chuyển công đức tương ứng. “Thắng nghĩa tôn thành thật”, đây là hiển tự tánh Pháp thân của chư Phật, chư Phật đều lấy thắng nghĩa thành thật nơi chân như thanh tịnh này làm tự tánh. “Tất cả địa đều xuất”, đây là hiển nhân, vì tu tất cả địa thì được thành Phật. “Đến các chúng sinh thượng”, đây là hiển quả, vì đây là tối thượng trong các hữu tình. “Giải thoát các hữu tình”: Đây là hiển nghiệp, vì có thể không điên đảo, có thể khiến cho các hữu tình đắc giải thoát. “Đức vô tận vô đẳng tương ứng”, đây là hiển tương ứng, cùng với công đức vô tận vô đẳng cùng chung tương ứng. “Hiện thế gian, chúng hội có thể thấy”, đây là nói thân thọ dụng. “Không phải thấy nhân thiên”, đây là nói thân tự tánh, các nhân thiên đều không thể thấy được. Đây là hiển ba thân sai biệt gọi là chuyển.

